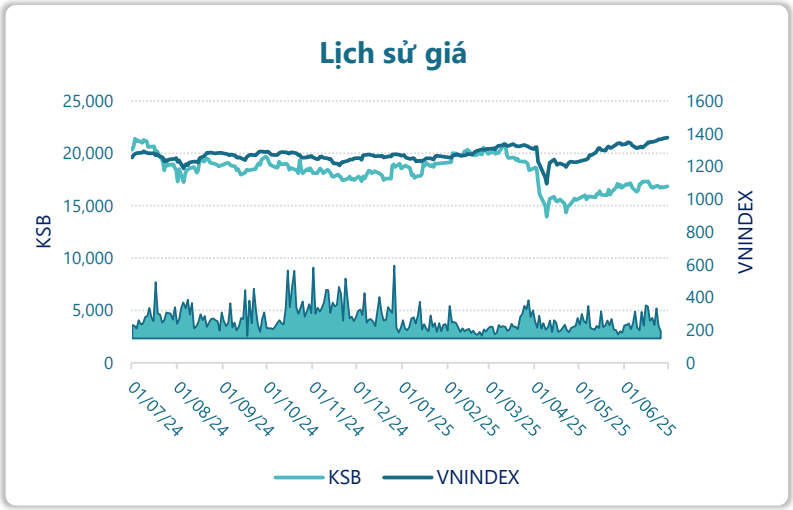
FireAnt

CTCP Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương (HSX: KSB)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,950
SL cổ phiếu LH	114,443,703
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,795,225
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,928
P/E	17.4
EPS	967

DT thuần

Q2/25

143

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0| 12.7%

YoY: ▼7.00| -4.6%

LN sau thuế

Q2/25

43.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.10| 19.8%

YoY: ▲ 31.0| 258%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

51.0%

+/- YoY: ▼ 6.7%

DT thuần

6T 2025

270

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 77.0| 40.1%

LN sau thuế

6T 2025

78.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 57.6| 271%

ROE

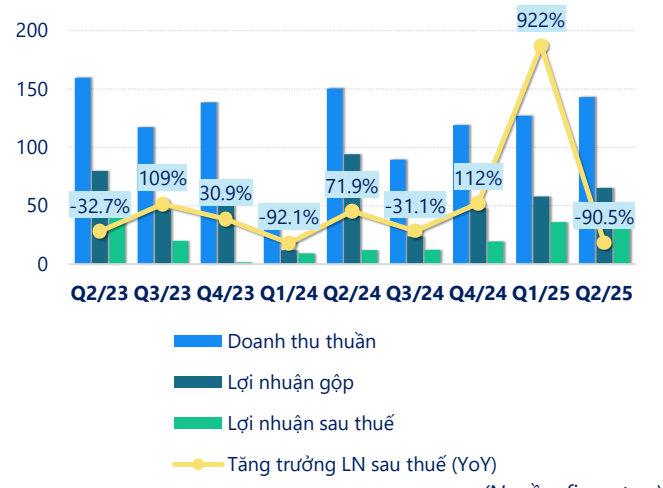
Q2/25

4.1%

+/- YoY: ▲ 2.3%

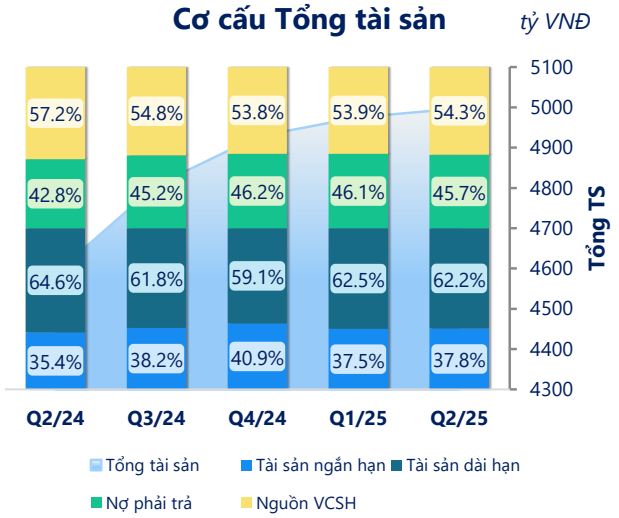
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



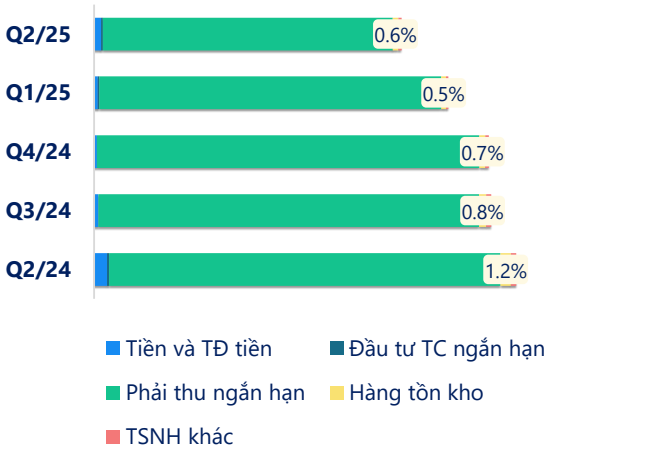
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



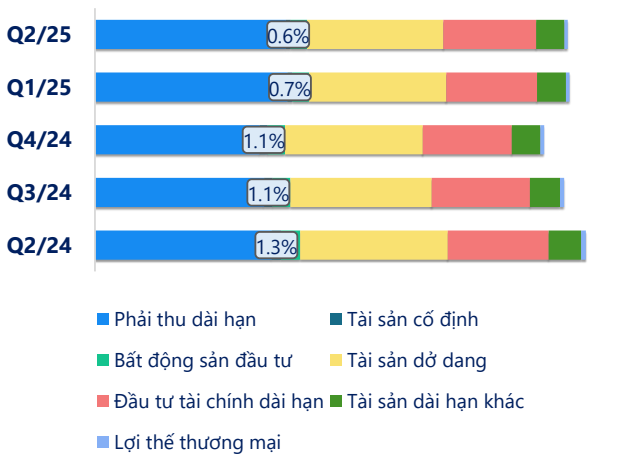
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



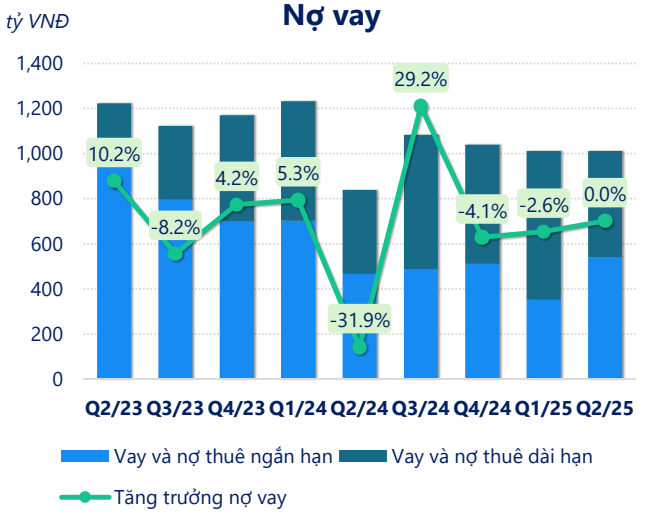
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



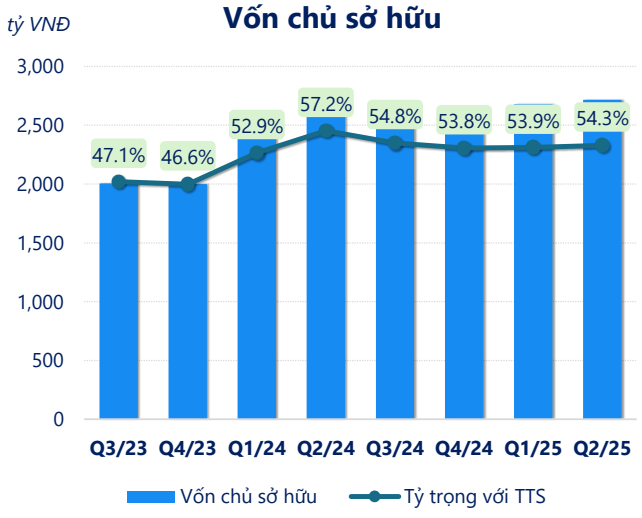
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



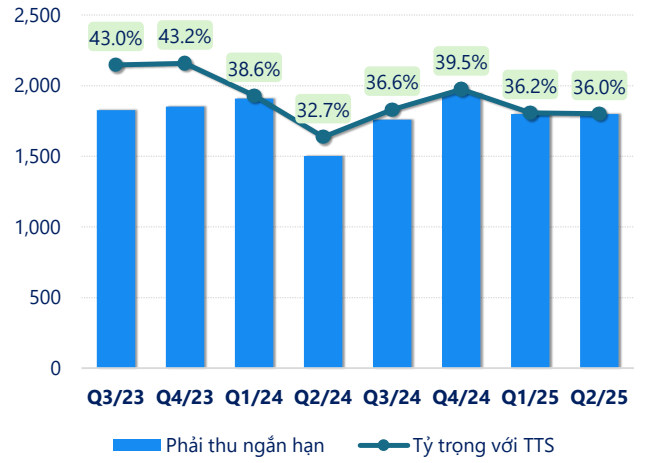
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



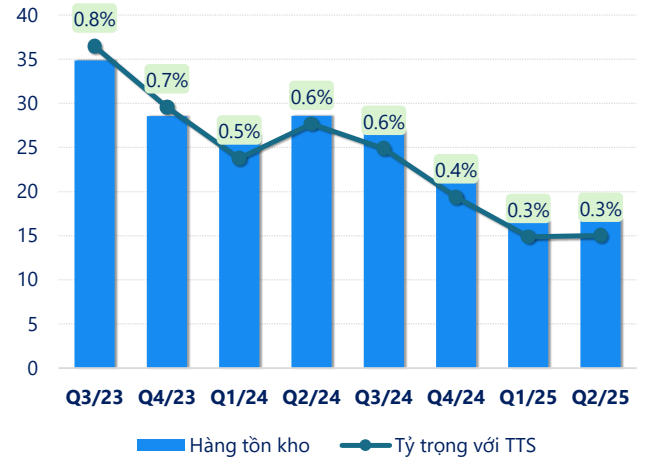
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



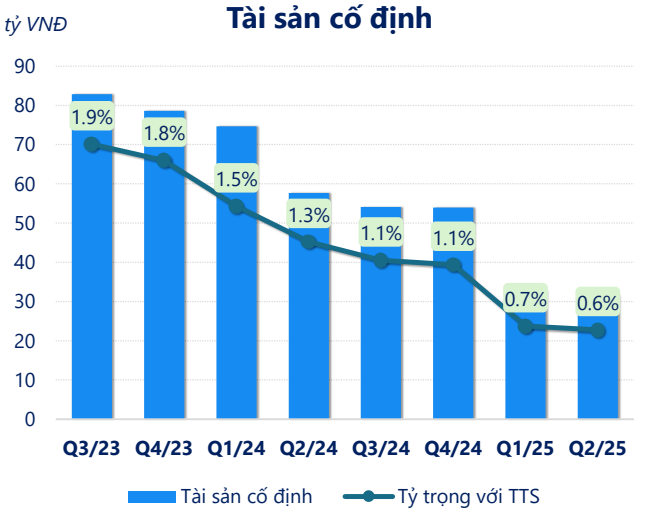
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



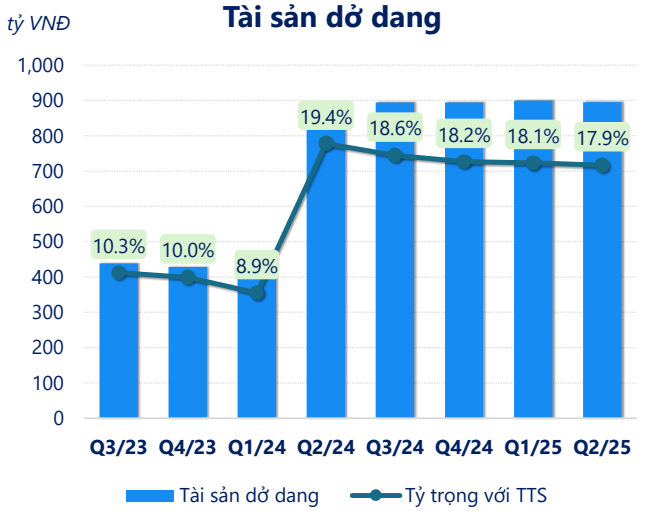
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



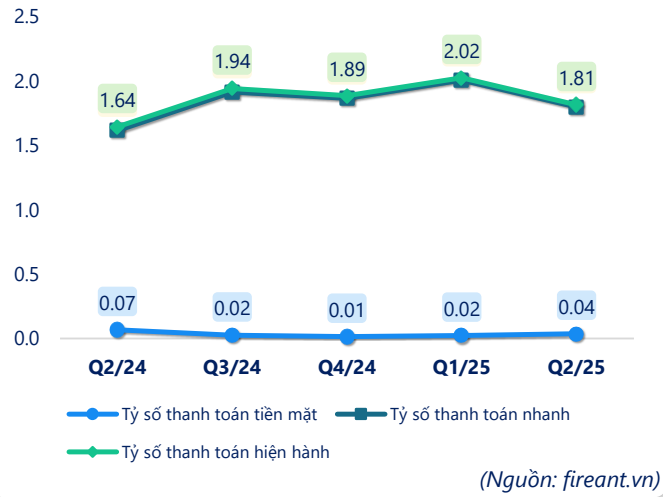
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



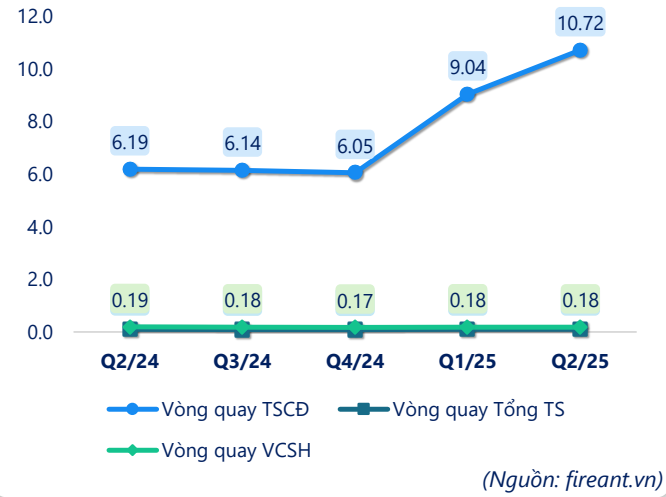
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,587**	**4,806**	**4,927**	**4,975**	**4,997**
Tài sản ngắn hạn	**1,622**	**1,837**	**2,014**	**1,866**	**1,887**
Tiền và tương đương tiền	66.6	23.1	15.8	21.4	39.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.36	8.36	8.36	8.36	8.36
Phải thu ngắn hạn	1,501	1,760	1,945	1,799	1,799
Hàng tồn kho	28.6	26.9	21.5	16.7	16.9
Tài sản ngắn hạn khác	17.3	18.4	22.5	21.4	22.4
Tài sản dài hạn	**2,965**	**2,969**	**2,914**	**3,109**	**3,111**
Phải thu dài hạn	1,067	1,070	1,067	1,261	1,255
Tài sản cố định	57.6	54.1	53.9	32.8	31.6
Bất động sản đầu tư	114	113	111	109	108
Tài sản dở dang	892	894	895	900	896
Đầu tư tài chính dài hạn	610	621	577	594	611
Tài sản dài hạn khác	196	190	185	190	187
Lợi thế thương mại	28.6	26.8	25.0	23.2	21.4
Nợ phải trả	**1,961**	**2,171**	**2,277**	**2,294**	**2,281**
Nợ ngắn hạn	**987**	**946**	**1,068**	**922**	**1,040**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	466	487	510	351	540
Phải trả người bán ngắn hạn	24.6	22.7	31.8	33.4	48.8
Nợ dài hạn	974	1,225	1,208	1,371	1,241
Vay và nợ thuê dài hạn	373	596	529	660	472
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,626**	**2,635**	**2,651**	**2,682**	**2,716**
Vốn chủ sở hữu	**2,626**	**2,635**	**2,651**	**2,682**	**2,716**
Vốn điều lệ	1,148	1,148	1,148	1,148	1,148
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)